

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 06/11/2018.

“V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu

2. Ông Mlô Y Ngh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2018, về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Tá H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Võ Tá H chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng hai mươi năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Võ Tá H ngoại tình, không chăm lo gia đình, thường xuyên chửi bới vợ con làm cho cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng không thể hòa giải được. Nay bà N yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị N và ông Võ Tá H có hai con chung là Võ Tá S, sinh ngày 18/3/1999 và Võ Tá L, sinh ngày 13/3/2001. Hiện cháu S đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu tòa án giải quyết, còn cháu L, bà N có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lợi cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại bà Trần Thị N không yêu cầu ông Võ Tá H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Tá H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông Võ Tá H và bà Trần Thị N tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng hai mươi năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Trần Thị N nghi ngờ ông Võ Tá H có người phụ nữ khác nên thường xuyên gây mâu thuẫn với ông H. Thực tế, ông H không có ngoại tình với người khác, ông H không muốn bỏ vợ, con. Tuy nhiên do không còn tin tưởng và cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn ngày càng tăng do bà N không tin tưởng ông H. Nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông H thì ông H đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Võ Tá H và bà Trần Thị N có hai con chung như bà N đã trình bày. Ông H đồng ý giao con chung là Võ Tá Lợi - sinh ngày 13/3/2001 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Ông H và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 04/10/2017, cháu Võ Tá L trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án huyện E thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Võ Tá H chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà N và ông H là vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần Thị N và ông Võ Tá H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà N và ông H có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Trần Thị N là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình, nên chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị N và ông Võ Tá H có hai người con chung là các cháu: Võ Tá S, sinh ngày 18/3/1999 và cháu Võ Tá

L, sinh ngày 13/3/2001. Hiện cháu S đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nuôi dưỡng nên không đề cập xem xét.

Xét việc thỏa thuận giữa các đương sự về việc giao con chung là Võ Tá L cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là tự nguyện, phù hợp với lợi ích của con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc bà Trần Thị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Không công nhận bà Trần Thị N và ông Võ Tá H là vợ chồng.

Về con chung: Hiện cháu S đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nuôi dưỡng nên không đề cập xem xét.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Võ Tá L, sinh ngày 13/3/2001 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

Ông Võ Tá H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Võ Tá H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Trần Thị N. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, theo biên lai số 0008821 ngày 28/9/2018.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị N, bị đơn Võ Tá H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy